TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH CÀ MAU

Số: 128/2025/QĐST-HNGĐ *Cà Mau, ngày 20 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của anh A: Ông Võ Minh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số A, Hẻm A, đường V, Khóm B, Phường B, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Nguyễn Kiều L, sinh năm 1990

ĐKTT: Ấp M, xã C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn Ứ, sinh năm 1964
- Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh Cà Mau.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia cho chị Nguyễn Kiều L được toàn quyền sử dụng và sở hữu các phần đất sau:

2.1.1. Phần đất diện tích 3.564m^2 thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 5 (tương ứng với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 8 cũ) tọa lạc ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Lê Minh K có số đo 138,65m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Phạm Văn A đứng tên quyền sử dụng đất có số đo 138,65m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Phạm Văn Ứ (Ứ1) đang quản lý, sử dụng có số đo 26,38m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Việt N có số đo 25m.

Buộc ông Phạm Văn Ứ và bà Huỳnh Thị H giao trả phần đất có vị trí, số đo, diện tích nêu trên cho chị Nguyễn Kiều L. Chị Nguyễn Kiều L được quyền liên hệ với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

2.1.2. Phần đất diện tích 1.499m^2 thuộc thửa số 1215 (tách từ thửa 47), tờ bản đồ số 5 (tương ứng với thửa đất số 298, tờ bản đồ số 8 cũ) tọa lạc ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp M, xã C, tỉnh Cà Mau), có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Phạm Văn A (phân chia tài sản chung thửa 301) và phần đất ông Nguyễn Việt N có số đo 79,44m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Phạm Văn B và phần đất của chị Nguyễn Kiều L có số đo 79,44m;

Hướng Nam giáp phần đất của bà Phạm Thị T1 có số đo 18,95m;

Hướng Bắc giáp phần đất tranh chấp giữa bà Lai Thị H1 và chị Nguyễn Kiều L có số đo 18,8m.

Phần đất trên hiện do chị Nguyễn Kiều L quản lý, sử dụng nên chị Nguyễn Kiều L tiếp tục quản lý, sử dụng. Chị Nguyễn Kiều L được quyền liên hệ với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

2.2. Chị Nguyễn Kiều L có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Phạm Văn A số tiền 115.830.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về chi phí tố tụng là 2.550.000 đồng, nguyên đơn anh Phạm Văn A phải chịu số tiền 1.350.000 đồng, bị đơn chị Nguyễn Kiều L phải chịu số tiền 1.200.000 đồng. Nguyên đơn anh Phạm Văn A và bị đơn chị Nguyễn Kiều L đã nộp xong.

2.4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm có giá ngạch: Anh Phạm Văn A phải chịu số tiền 2.895.700 đồng. Anh Phạm Văn A đã nộp tạm ứng án phí là 9.000.000

đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006867 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí. Đối trừ số tiền án phí phải nộp, anh Phạm Văn A còn được hoàn lại số tiền 6.104.300 đồng.

Chị Nguyễn Kiều L phải chịu số tiền 5.331.600 đồng. Chị Nguyễn Kiều L đã nộp tạm ứng án phí là 1.040.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007132 ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí. Đối trừ số tiền án phí phải nộp, chị Nguyễn Kiều L còn phải nộp số tiền án phí là 4.291.600 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Đào